

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Chiến lược Chuyển đổi số tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2026 - 2030

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Chuyển đổi số số 148/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử số 20/2023/QH15 ngày 22 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Luật Dữ liệu số 60/2024/QH15 ngày 30 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Công nghiệp công nghệ số số 71/2025/QH15 ngày 14 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật An ninh mạng số 116/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân số 91/2025/QH15 ngày 26 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 165/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dữ liệu;

Căn cứ Nghị định số 194/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Giao dịch điện tử về cơ sở dữ liệu quốc gia, kết nối và chia sẻ dữ liệu, dữ liệu mở phục vụ giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 278/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan thuộc hệ thống chính trị;

Căn cứ Nghị định số 356/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân;

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung, cập nhật Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện;

Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 2629/QĐ-TTg ngày 01 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển Chính phủ số;

Căn cứ Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 36/QĐ-TTg ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 142/QĐ-TTg ngày 02 tháng 02 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược dữ liệu quốc gia đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1132/QĐ-TTg ngày 09 tháng 10 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược hạ tầng số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 33/2025/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về Mạng truyền số liệu chuyên dùng phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 912/QĐ-BKHCN ngày 18 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Kế hoạch phát triển hạ tầng số thời kỳ 2025 - 2030;

Căn cứ Quyết định số 3090/QĐ-BKHCN ngày 08 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về ban hành Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số (Phiên bản 1.0);

Căn cứ Kế hoạch số 01-KH/BCĐTW ngày 02 tháng 6 năm 2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;

Căn cứ Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về việc phê duyệt Kế hoạch thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 48-NQ/TU ngày 20 tháng 02 năm 2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị;

Căn cứ Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 14 tháng 7 năm 2025 của Tỉnh ủy Khánh Hòa về tăng trưởng kinh tế hai con số giai đoạn 2025 - 2030;

Căn cứ Quyết định số 1689/QĐ-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 48-NQ/TU;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 2352/TTr-SKHCN ngày 29 tháng 4 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chiến lược Chuyển đổi số tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2026 - 2030.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đơn vị sự nghiệp; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ KH&CN (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy; HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh và các đoàn thể;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Báo và Phát thanh TH KH;
- VPUB: LĐ, các phòng, ban, trung tâm;
- Lưu: VT, KGVX. NNN

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Hà

CHIẾN LƯỢC

Chuyển đổi số tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2026 - 2030

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

I. QUAN ĐIỂM, TẦM NHÌN VÀ MỤC TIÊU

1. Quan điểm

- Chuyển đổi số là phương thức phát triển mới, là động lực trọng yếu thúc đẩy đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh và chất lượng quản trị của tỉnh Khánh Hòa trong giai đoạn phát triển mới; là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, xuyên suốt của cả hệ thống chính trị.

- Phát triển chuyển đổi số phải lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm, là chủ thể, là mục tiêu và động lực của chuyển đổi số; mọi hoạt động chuyển đổi số phải hướng tới nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân, hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp và hiệu lực, hiệu quả quản trị nhà nước.

- Chuyển đổi số phải được triển khai trên nền tảng dữ liệu số thống nhất, liên thông, dùng chung, bảo đảm quản trị theo thời gian thực. Dữ liệu là tài nguyên chiến lược; hạ tầng số, nền tảng số và trí tuệ nhân tạo là hạ tầng phát triển mới của tỉnh.

- Phát triển chính quyền số theo hướng quản trị thông minh, dữ liệu hóa và AI-first Government; chuyển mạnh từ phương thức “xử lý hành chính” sang “quản trị chủ động, dự báo và phục vụ”.

- Ưu tiên sử dụng nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung; triển khai tập trung, thống nhất, liên thông từ tỉnh đến xã; bảo đảm kế thừa, kết nối đồng bộ và tránh đầu tư trùng lặp, phân tán, cục bộ.

- Phát triển chuyển đổi số phải gắn với bảo đảm chủ quyền số, an toàn thông tin, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân và quản trị rủi ro số; bảo đảm môi trường số an toàn, lành mạnh và bền vững.

- Kết hợp chặt chẽ giữa đầu tư công và huy động nguồn lực xã hội; thúc đẩy hợp tác công tư, phát huy vai trò dẫn dắt của doanh nghiệp công nghệ số trong phát triển hạ tầng số, nền tảng số và dịch vụ số.

2. Tầm nhìn đến năm 2030

- Đến năm 2030, Khánh Hòa cơ bản hoàn thành xây dựng chính quyền số; hình thành mô hình quản trị thông minh dựa trên dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo; trở thành địa phương thuộc nhóm dẫn đầu khu vực Nam Trung Bộ về chuyển đổi số, kinh tế số và đổi mới sáng tạo.

- Chuyển đổi số trở thành nền tảng quan trọng thúc đẩy Khánh Hòa phát triển nhanh và bền vững; hình thành hệ sinh thái số đồng bộ phục vụ phát triển kinh tế biển, du lịch thông minh, logistics thông minh, đô thị thông minh và các ngành kinh tế trọng điểm của tỉnh.

- Các hoạt động quản lý nhà nước, sản xuất kinh doanh và đời sống xã hội được vận hành chủ yếu trên môi trường số; dữ liệu số trở thành tài nguyên phát triển mới; trí tuệ nhân tạo trở thành công cụ phổ biến trong quản trị công, cung cấp dịch vụ công và hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội.

- Khánh Hòa trở thành đô thị biển thông minh, trung tâm đổi mới sáng tạo biển và kinh tế số biển có vị thế quốc gia và quốc tế.

3. Mục tiêu đến năm 2030

3.1 Mục tiêu tổng quát

- Thực hiện chuyển đổi số toàn diện, đồng bộ, thực chất và bền vững trên tất cả các ngành, lĩnh vực; phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số trên nền tảng dữ liệu số, hạ tầng số và trí tuệ nhân tạo; đổi mới căn bản phương thức quản trị, sản xuất kinh doanh và đời sống xã hội theo hướng số hóa, thông minh và hiện đại.

- Hình thành hệ sinh thái số thống nhất, liên thông từ tỉnh đến cơ sở; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản trị công; thúc đẩy phát triển kinh tế số trở thành động lực tăng trưởng quan trọng của GRDP tỉnh; nâng cao chất lượng cuộc sống người dân và năng lực cạnh tranh của tỉnh Khánh Hòa trong giai đoạn phát triển mới.

- Phấn đấu đến năm 2030:

- + Khánh Hòa thuộc nhóm 10 địa phương dẫn đầu cả nước về chuyển đổi số;

- + Kinh tế số đóng góp khoảng 30-35% GRDP của tỉnh;

- + 100% hoạt động quản lý nhà nước được thực hiện trên môi trường số;

- + 100% cơ quan nhà nước vận hành trên nền tảng số và dữ liệu số;

- + Hình thành mô hình quản trị thông minh dựa trên dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo;

- + Hạ tầng số, dữ liệu số và nền tảng số trở thành hạ tầng phát triển thiết yếu của tỉnh.

3.2. Mục tiêu cụ thể

a) Chính quyền số

- Hình thành mô hình quản trị số thống nhất từ tỉnh đến xã, bảo đảm liên thông, đồng bộ và vận hành trên môi trường số.

- Đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành dựa trên dữ liệu thời gian thực; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản trị công và chất lượng cung cấp dịch vụ công.

- Phát triển các nền tảng số dùng chung phục vụ hoạt động quản lý nhà nước, chỉ đạo điều hành, giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công cho người dân, doanh nghiệp.

- Từng bước triển khai trí tuệ nhân tạo trong hoạt động quản trị công, hỗ trợ ra quyết định, phân tích, dự báo và cung cấp dịch vụ công thông minh.

- 100% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được thực hiện hoàn toàn trực tuyến, toàn trình (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

- 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình thiết yếu có ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) hỗ trợ người dân, doanh nghiệp, nâng cao trải nghiệm người dùng mang tính cá thể hóa.

- Hoàn thành việc số hóa 100% cơ sở dữ liệu ngành, triển khai xuyên suốt từ cấp tỉnh đến cấp xã, nhằm tạo lập cơ sở dữ liệu phục vụ cải cách hành chính và nâng cao năng suất lao động cho cán bộ, công chức, viên chức.

b) Kinh tế số

- Phát triển kinh tế số trở thành động lực tăng trưởng quan trọng của tỉnh.

- Thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện trong doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa; phát triển doanh nghiệp công nghệ số, dịch vụ số và đổi mới sáng tạo số.

- Ưu tiên phát triển kinh tế số trong các lĩnh vực có lợi thế của tỉnh như du lịch, kinh tế biển, logistics, thương mại, công nghiệp công nghệ số và dịch vụ số.

- Thúc đẩy hình thành thị trường dữ liệu, dịch vụ dữ liệu và các mô hình kinh doanh số mới.

- Thúc đẩy tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ đạt tối thiểu 20%. Hướng tới 100% hệ thống siêu thị, trung tâm thương mại, cơ sở phân phối hiện đại trên địa bàn có lắp đặt thiết bị chấp nhận thanh toán không dùng tiền mặt.

- Trên 80% doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

- 100% doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử, hợp đồng điện tử và các nền tảng giao dịch số cơ bản.

- Hình thành hệ sinh thái doanh nghiệp công nghệ số của tỉnh với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực AI, dữ liệu, phần mềm, dịch vụ số và đổi mới sáng tạo.

- Khánh Hòa thuộc nhóm 10 địa phương dẫn đầu cả nước về thương mại điện tử và kinh tế số du lịch.

- Trên 70% cơ sở lưu trú du lịch, doanh nghiệp logistics và doanh nghiệp thương mại ứng dụng nền tảng quản trị số.

- Từng bước hình thành thị trường dữ liệu và các dịch vụ khai thác dữ liệu phục vụ phát triển kinh tế số.

c) Xã hội số

- Phổ cập kỹ năng số và dịch vụ số thiết yếu cho người dân; thu hẹp khoảng cách số giữa các vùng, nhóm dân cư.
- Phát triển môi trường sống số an toàn, thuận tiện; thúc đẩy người dân sử dụng rộng rãi các nền tảng số trong học tập, lao động, sản xuất, kinh doanh và đời sống hàng ngày.
- Nâng cao nhận thức số, văn hóa số và năng lực thích ứng số của toàn xã hội.
- 100% người dân trưởng thành có định danh số và tài khoản số phục vụ giao dịch điện tử.
- 95% dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản tại ngân hàng.
- 70% dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân.
- 100% người dân có sổ sức khỏe điện tử.
- Trên 80% người dân trưởng thành có kỹ năng số cơ bản.
- Triển khai sâu rộng phong trào “Bình dân học vụ số” thông qua các nền tảng học trực tuyến mở đại trà (MOOCs) hoặc các nền tảng khác, đảm bảo mọi tầng lớp nhân dân (đặc biệt tại vùng nông thôn, miền núi, hải đảo) đều được hỗ trợ tiếp cận và hình thành kỹ năng số cơ bản.
- Hình thành môi trường giáo dục số toàn diện thông qua việc hoàn thiện Hệ sinh thái giáo dục số và đưa vào vận hành mô hình “Trường học thông minh” ứng dụng AI; hoàn thành mục tiêu tích hợp 100% học bạ số trên nền tảng VNeID.

d) Hạ tầng số và dữ liệu số

- Phát triển hạ tầng số đồng bộ, hiện đại, an toàn, có khả năng kết nối liên thông với hạ tầng số quốc gia.
- Hình thành nền tảng dữ liệu số dùng chung toàn tỉnh phục vụ quản trị công, phát triển kinh tế số và xã hội số.
- Thúc đẩy kết nối, chia sẻ, khai thác và tái sử dụng dữ liệu trong toàn hệ thống chính trị của tỉnh.
- 100% cơ quan nhà nước kết nối, chia sẻ dữ liệu thông qua nền tảng tích hợp và chia sẻ dữ liệu của tỉnh.
- 100% hệ thống thông tin, nền tảng số của tỉnh được triển khai trên hạ tầng điện toán đám mây hoặc trung tâm dữ liệu hiện đại.
- 100% cơ quan nhà nước của tỉnh cung cấp dữ liệu mở (trừ dữ liệu thuộc phạm vi bí mật nhà nước) đạt tiêu chuẩn phục vụ huấn luyện, phát triển các mô hình AI ứng dụng cho kinh tế số, xã hội số.
- 100% xã, phường, đặc khu có hạ tầng viễn thông băng rộng tốc độ cao.

- Phổ cập dịch vụ di động băng rộng 5G tại các khu vực đô thị, khu công nghiệp, khu du lịch và các khu vực trọng điểm phát triển kinh tế.

- Từng bước hình thành hệ sinh thái dữ liệu số phục vụ phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số.

đ) An ninh mạng

- Nâng cao năng lực bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân trong toàn bộ quá trình chuyển đổi số.

- Bảo đảm môi trường số an toàn, tin cậy, ổn định phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và hoạt động quản trị nhà nước.

- 100% hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước được phê duyệt cấp độ an toàn thông tin và triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn thông tin theo quy định.

- 100% cơ quan nhà nước được giám sát an toàn thông tin mạng tập trung.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức được phổ cập kiến thức, kỹ năng an toàn thông tin cơ bản.

- Nâng cao và cải thiện liên tục năng lực giám sát, cảnh báo và ứng cứu sự cố an toàn thông tin trên phạm vi toàn tỉnh.

- Nâng cao năng lực bảo vệ dữ liệu cá nhân, bảo đảm chủ quyền số và an ninh dữ liệu của tỉnh.

- Liên tục cập nhật Trung tâm giám sát và tác chiến an ninh mạng của tỉnh (SOC), đảm bảo khả năng trực vận hành giám sát 24/7 nhằm bảo vệ an ninh mạng cho các hệ thống thông tin trọng yếu.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nhóm các nhiệm vụ trọng tâm

a) Hoàn thiện thể chế, chính sách số

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách, quy định, quy trình nghiệp vụ nhằm tạo môi trường pháp lý đồng bộ cho phát triển chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh phù hợp với các quy định của Trung ương và yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới. Tổ chức triển khai đầy đủ, đồng bộ các luật sau: luật chuyển đổi số, luật công nghiệp công nghệ số, luật dữ liệu, luật giao dịch điện tử, luật bảo vệ dữ liệu cá nhân, luật An ninh mạng và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Hoàn thiện cơ chế quản lý, vận hành, khai thác và chia sẻ dữ liệu; cơ chế quản trị nền tảng số; cơ chế vận hành hệ sinh thái số dùng chung; cơ chế giám sát, đánh giá và đo lường hiệu quả chuyển đổi số trên phạm vi toàn tỉnh.

- Rà soát, cập nhật, sửa đổi, bổ sung, xây dựng Khung kiến trúc số cấp tỉnh, khung chiến lược dữ liệu, khung kiến trúc dữ liệu, khung quản trị, quản lý dữ liệu

tỉnh Khánh Hòa bảo đảm phù hợp với các khung kiến trúc số, khung kiến trúc dữ liệu số quốc gia.

- Ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa; thúc đẩy ứng dụng công nghệ số, dữ liệu số và trí tuệ nhân tạo trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Nghiên cứu, đề xuất cơ chế thúc đẩy: công nghiệp công nghệ số; doanh nghiệp công nghệ số; dịch vụ số; trung tâm dữ liệu; AI; đổi mới sáng tạo; kinh tế dữ liệu; thương mại điện tử; startup công nghệ số. Khuyến khích phát triển các mô hình kinh doanh mới dựa trên nền tảng số, dữ liệu số và trí tuệ nhân tạo.

b) Phát triển hạ tầng số

- Phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông triển khai mạng băng rộng di động thế hệ thứ 5 (5G) phủ sóng các khu công nghiệp, khu kinh tế trọng điểm và khu du lịch; xóa các “vùng lõm” sóng di động và internet tại vùng sâu, vùng xa, miền núi và hải đảo (tận dụng Quỹ dịch vụ viễn thông công ích và các nguồn hợp pháp khác).

- Đầu tư, nâng cấp Trung tâm dữ liệu tỉnh Khánh Hòa theo hướng sử dụng công nghệ điện toán đám mây (Cloud), bảo đảm sẵn sàng kết nối, tích hợp với nền tảng đám mây của chính phủ và Trung tâm dữ liệu quốc gia.

- Chuyển đổi đồng bộ mạng lưới, hệ thống thông tin, ứng dụng công nghệ thông tin sang ứng dụng địa chỉ giao thức Internet thế hệ mới (IPv6).

c) Phát triển nền tảng số và dữ liệu số

- Xây dựng, hoàn thiện Kho dữ liệu dùng chung, Cổng dữ liệu mở, nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP); thực hiện số hóa các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, bảo đảm cập nhật theo thời gian thực và kết nối, chia sẻ thông suốt với Trung tâm dữ liệu Quốc gia theo nguyên tắc “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung”.

- Xây dựng và triển khai cơ sở dữ liệu ngành được số hóa xuyên suốt, đồng bộ từ cấp tỉnh đến cấp xã, phục vụ công tác cải cách hành chính và nâng cao năng suất lao động cho cán bộ, công chức cơ sở.

- Ban hành danh mục dữ liệu mở và cung cấp dữ liệu mở (trừ dữ liệu thuộc phạm vi bí mật nhà nước) đạt tiêu chuẩn phục vụ đào tạo các mô hình AI ứng dụng cho kinh tế số và đô thị thông minh.

- Tập trung xây dựng các cơ sở dữ liệu đặc thù mang lợi thế cạnh tranh của tỉnh như: Cơ sở dữ liệu nền địa lý tỷ lệ 1/2000, 1/5000, Đất đai, Du lịch thông minh, Logistics và Cảng biển, Nông nghiệp công nghệ cao và Bản đồ dữ liệu kinh tế biển...

d) Phát triển chính quyền số

- Hoàn thiện Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; bảo đảm cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình thiết yếu được tích hợp, ứng dụng trí

tuệ nhân tạo (AI) như Trợ lý ảo để hỗ trợ người dân, doanh nghiệp tra cứu, thực hiện thủ tục nhanh chóng, thuận tiện.

- Nâng cấp Trung tâm giám sát, điều hành thông minh (IOC) tỉnh từ việc hiển thị thông kê sang mức độ phân tích, dự báo dựa trên AI; tích hợp các bài toán đặc thù như cảnh báo thiên tai, phản ánh hiện trường, giám sát giải ngân dự án đầu tư công.

- Triển khai quyết liệt các giải pháp nâng cao Chỉ số Chuyển đổi số (DTI), định kỳ đánh giá kết quả, kịp thời nhận diện các điểm nghẽn, đề xuất điều chỉnh giải pháp phù hợp.

- Xây dựng Nền tảng số dùng chung cấp xã nhằm đáp ứng yêu cầu vận hành mô hình chính quyền địa phương hai cấp (cấp tỉnh và cấp xã) thông suốt, hiệu quả.

đ) Phát triển kinh tế số

- Rà soát, đề xuất quy hoạch và chuẩn bị các thủ tục để hình thành các khu công nghiệp công nghệ số tập trung.

- Thúc đẩy phát triển thương mại điện tử, đẩy mạnh ứng dụng các giải pháp thanh toán điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt tại các hệ thống siêu thị, trung tâm thương mại, cơ sở phân phối hiện đại.

- Triển khai các chương trình, kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (SME) chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ số vào trong quản lý, quy trình sản xuất, phát triển sản phẩm; hỗ trợ sử dụng hóa đơn điện tử, hợp đồng điện tử.

e) Phát triển xã hội số

- Triển khai sâu rộng “bình dân học vụ số”: Triển khai sâu rộng phong trào "Bình dân học vụ số" trên toàn tỉnh thông qua Nền tảng học trực tuyến mở đại trà (MOOCs) nhằm phổ cập kỹ năng số, kỹ năng sử dụng AI cơ bản cho người dân, đặc biệt quan tâm đối tượng yếu thế, khu vực miền núi, hải đảo.

- Triển khai cung cấp chữ ký số cá nhân miễn phí cho người dân; hướng dẫn người dân lập và sử dụng Sổ sức khỏe điện tử tích hợp trên ứng dụng VNeID.

- Xây dựng và vận hành ứng dụng công dân số tỉnh Khánh Hòa làm kênh tương tác hợp nhất, cung cấp thông tin, dịch vụ công, tiện ích thiết yếu cho người dân.

g) Phát triển nguồn nhân lực số

- Hình thành đội ngũ cán bộ lãnh đạo, công chức, viên chức, chuyên gia và người lao động có năng lực số đáp ứng yêu cầu phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số trong giai đoạn mới.

- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về chuyển đổi số, quản trị số, dữ liệu số, trí tuệ nhân tạo, an toàn thông tin và đổi mới sáng tạo cho đội ngũ lãnh đạo, quản lý các cấp nhằm nâng cao năng lực chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện chuyển đổi số.

- Đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số cơ bản và nâng cao cho cán bộ, công chức, viên chức; nâng cao năng lực sử dụng các nền tảng số, hệ thống thông tin, dữ liệu số, chữ ký số và các công cụ hỗ trợ ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong công việc.

- Củng cố, nâng cao chất lượng đội ngũ chuyên trách về công nghệ thông tin, chuyển đổi số, dữ liệu, an ninh mạng và trí tuệ nhân tạo tại các sở, ban, ngành, địa phương; từng bước chuẩn hóa năng lực đội ngũ chuyên trách theo các tiêu chuẩn, tiêu chí chuyên môn phù hợp.

h) Bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng

- Triển khai vận hành hiệu quả Hệ thống giám sát an toàn thông tin mạng (SOC) tại Trung tâm dữ liệu tỉnh gồm các thành phần giám sát mạng, giám sát an toàn thông tin, hệ thống phòng chống mã độc tập trung; kết nối, chia sẻ dữ liệu giám sát với Trung tâm an ninh mạng quốc gia.

- Thực hiện rà soát, đề xuất và phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ an toàn; triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ theo quy định nhằm bảo vệ an toàn các hệ thống thông tin trọng yếu.

- Tăng cường các biện pháp bảo vệ dữ liệu cá nhân; trang bị, triển khai phần mềm kiểm soát truy cập mạng (NAC), chống thất thoát dữ liệu (DLP) bảo vệ Trung tâm Dữ liệu tỉnh và thiết bị đầu cuối của cán bộ, công chức.

2. Nhóm các giải pháp thực hiện

a) Giải pháp về lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành

- Gắn trách nhiệm với tiêu chí đánh giá: Phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các cấp ủy đảng, cơ quan, đơn vị, địa phương trong công tác chỉ đạo, điều hành hoạt động chuyển đổi số; quan tâm đưa kết quả thực hiện các chỉ tiêu chuyển đổi số vào tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, bình xét thi đua, khen thưởng hằng năm.

- Chỉ đạo, điều hành dựa trên dữ liệu số: Chuyển đổi phương thức quản lý, điều hành sang quản trị dựa trên dữ liệu số; ưu tiên sử dụng dữ liệu từ Hệ thống thông tin báo cáo, Trung tâm giám sát điều hành thông minh (IOC) giảm thiểu các báo cáo giấy truyền thống.

- Vận hành mô hình chính quyền 2 cấp: Đẩy mạnh rà soát, tái cấu trúc quy trình, phân cấp, ủy quyền cho chính quyền cấp xã ra quyết định và giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường số nhằm vận hành thông suốt mô hình chính quyền địa phương hai cấp.

b) Giải pháp về tài chính và huy động nguồn lực

- Nguồn lực từ ngân sách Nhà nước: Quan tâm ưu tiên bố trí nguồn vốn từ ngân sách nhà nước, phân đầu đạt tỷ lệ chi cho chuyển đổi số trong tổng chi ngân sách nhà nước hằng năm, hướng tới mục tiêu 3% trong tổng chi ngân sách của tỉnh cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Đa dạng hóa nguồn lực đầu tư: Tăng cường huy động các nguồn lực hợp pháp từ xã hội hóa, khuyến khích các doanh nghiệp công nghệ, tổ chức tham gia đầu tư vào hạ tầng số thông qua mô hình hợp tác công - tư (PPP) và các nguồn tài trợ hợp pháp khác.

- Ưu tiên phương thức thuê dịch vụ (Cloud): Tăng cường phương thức thuê dịch vụ công nghệ thông tin do các doanh nghiệp công nghệ số cung cấp trên nền tảng điện toán đám mây để tối ưu hóa thời gian và chi phí, bảo đảm công nghệ luôn được cập nhật.

c) Giải pháp về phát triển nhân lực và tuyên truyền

- Tổ chức các chương trình đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số chuyên sâu, hướng dẫn sử dụng AI và phân tích dữ liệu cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; ưu tiên các hình thức đào tạo thực hành trên hệ thống phần mềm.

- Duy trì, hỗ trợ và phát huy hiệu quả hoạt động của mạng lưới Tổ công nghệ số cộng đồng tại các thôn, tổ dân phố nhằm trực tiếp hướng dẫn, hỗ trợ người dân tham gia các dịch vụ số, cài đặt VNeID, Sổ sức khỏe điện tử.

- Đẩy mạnh phổ cập kỹ năng số cơ bản cho người dân nhằm nâng cao khả năng sử dụng dịch vụ số, dịch vụ công trực tuyến, thanh toán số, giao dịch điện tử và các nền tảng số trong học tập, lao động, sản xuất kinh doanh và đời sống xã hội.

- Ưu tiên hỗ trợ người dân tại vùng sâu, vùng xa, miền núi, hải đảo, đồng bào dân tộc thiểu số và các nhóm yếu thế tiếp cận kỹ năng số và dịch vụ số.

- Nâng cao nhận thức cộng đồng về chuyển đổi số, dữ liệu số, an toàn thông tin, văn hóa số và kỹ năng tham gia môi trường số an toàn, lành mạnh.

- Khuyến khích hình thành công dân số, văn hóa số và thói quen sử dụng nền tảng số trong các hoạt động kinh tế - xã hội và tương tác với cơ quan nhà nước.

- Đẩy mạnh công tác truyền thông, phổ biến chính sách, pháp luật về chuyển đổi số thông qua các cơ quan thông tấn, báo chí, Cổng thông tin điện tử; xây dựng các chuyên mục, chuyên trang tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức, lan tỏa các mô hình chuyển đổi số thành công trong cộng đồng.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Kinh phí thực hiện Chiến lược được bố trí từ ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành, nguồn vốn từ các chương trình, đề án, dự án của Trung ương, nguồn vốn lồng ghép từ các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, nguồn xã hội hóa và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

- Ưu tiên bố trí nguồn lực để triển khai các nhiệm vụ trọng tâm về phát triển hạ tầng số, dữ liệu số, nền tảng số dùng chung, an toàn thông tin, trí tuệ nhân tạo, phát triển nguồn nhân lực số và các nhiệm vụ phục vụ xây dựng chính quyền số, kinh tế số và xã hội số.

- Khuyến khích đẩy mạnh hợp tác công tư (PPP), thuê dịch vụ công nghệ thông tin, huy động nguồn lực từ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tham gia đầu tư, phát triển hạ tầng số, nền tảng số, dữ liệu số và các dịch vụ số trên địa bàn tỉnh.

- Các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao chủ động xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí thực hiện hằng năm theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật có liên quan.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh và Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu

- Căn cứ định hướng của Chiến lược này, chủ động rà soát, cụ thể hóa và ban hành Kế hoạch phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số hằng năm, cũng như giai đoạn 05 năm tại cơ quan, đơn vị, địa phương mình.

- Chủ trì, phối hợp triển khai đúng tiến độ các chỉ tiêu, nhiệm vụ, dự án được phân công cụ thể tại các Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

- Người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương chịu trách nhiệm trực tiếp và toàn diện trong công tác chỉ đạo, điều hành các nhiệm vụ chuyển đổi số và bảo đảm an toàn thông tin mạng tại cơ quan, địa phương mình.

2. Sở Khoa học và Công nghệ

- Là cơ quan đầu mối tham mưu tổ chức triển khai thực hiện Chiến lược; chủ trì hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra và tổng hợp tình hình thực hiện Chiến lược trên phạm vi toàn tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính tổng hợp, rà soát dự toán kinh phí thực hiện các nhiệm vụ, tham mưu cơ quan có thẩm quyền bố trí nguồn lực theo quy định.

3. Công an tỉnh

- Tổ chức triển khai, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng trên địa bàn tỉnh; duy trì, vận hành hiệu quả Hệ thống giám sát an toàn thông tin (SOC).

- Thường xuyên tổ chức các chương trình diễn tập xử lý sự cố an toàn thông tin quy mô cấp tỉnh và cấp ngành với các kịch bản sát thực tế, góp phần nâng cao năng lực ứng phó.

- Tiếp tục chủ trì, điều phối việc triển khai hiệu quả các nhiệm vụ của Đề án 06 trên địa bàn tỉnh, phát triển Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và nền tảng định danh điện tử (VNeID).

4. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh: Chủ trì trong việc kết nối dữ liệu cải cách thủ tục hành chính phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành; thúc đẩy số hóa

hồ sơ thủ tục hành chính; lồng ghép yêu cầu về dữ liệu trong cung cấp dịch vụ công trực tuyến và Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh.

5. Sở Tài chính: Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí ngân sách nhà nước trong dự toán hằng năm để thực hiện Chiến lược, bảo đảm phù hợp với khả năng cân đối ngân sách và đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

6. Sở Nội vụ: Đẩy mạnh lồng ghép nội dung bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số vào các chương trình đào tạo cán bộ, công chức, viên chức hằng năm; đưa kết quả thực hiện Chiến lược vào tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ và bình xét thi đua, khen thưởng của các tập thể, cá nhân.

7. Các cơ quan thông tấn, báo chí (Báo và Phát thanh, Truyền hình Khánh Hòa; Trung tâm Công báo và Cổng Thông tin điện tử tỉnh)

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến sâu rộng nội dung Chiến lược, hoạt động chuyển đổi số và phong trào “Bình dân học vụ số” nhằm nâng cao nhận thức, lan tỏa những mô hình chuyển đổi số tiêu biểu, thành công trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức thực hiện chuyển đổi số, ưu tiên ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo (AI) trong khâu sản xuất nội dung, quản lý và lưu trữ tư liệu phát thanh, truyền hình, báo chí điện tử.

8. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội thuộc tỉnh

- Căn cứ định hướng của Chiến lược, chủ động ban hành kế hoạch triển khai hằng năm; tập trung nâng cao chất lượng công tác nắm bắt tình hình Nhân dân, cử tri qua cổng Mặt trận số 24/7 nhằm tổng hợp ý kiến, kiến nghị một cách kịp thời và hiệu quả. Đồng thời, thiết lập cơ chế kết nối, chia sẻ dữ liệu liên thông từ Cổng Mặt trận số 24/7 vào Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP) để đồng bộ với Trung tâm giám sát, điều hành thông minh (IOC) và Ứng dụng tương tác phục vụ người dân (App Công dân số).

- Phối hợp với các cấp chính quyền tăng cường công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tham gia hưởng ứng các hoạt động chuyển đổi số, thanh toán điện tử; phát huy mạnh mẽ vai trò nòng cốt của lực lượng Tổ công nghệ số cộng đồng tại cơ sở./.

PHỤ LỤC
DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU CHIẾN LƯỢC GIAI ĐOẠN 2026 - 2030
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

TT	Chỉ tiêu	Mục tiêu giai đoạn 2026 - 2030	Cơ quan theo dõi, đánh giá, kiểm tra, tổng hợp báo cáo
I	PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN SỐ		
1	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình thiết yếu được ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI) hỗ trợ người dân, doanh nghiệp trong ít nhất một khâu.	100%	Sở Khoa học và Công nghệ
2	Tỷ lệ hồ sơ được xử lý hoàn toàn trực tuyến, toàn trình (trừ hồ sơ bí mật nhà nước).	100%	Sở Khoa học và Công nghệ
3	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện.	100%	Văn phòng UBND tỉnh
4	Tỷ lệ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa và tái sử dụng trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính.	100%	Văn phòng UBND tỉnh
5	Tỷ lệ thông tin, giấy tờ, tài liệu trong các thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh chỉ cung cấp một lần.	100%	Văn phòng UBND tỉnh
6	Tỷ lệ hồ sơ công việc của các cơ quan nhà nước được xử lý trên môi trường điện tử và sử dụng chữ ký số cá nhân (trừ hồ sơ mật).	100%	Sở Khoa học và Công nghệ
7	Tỷ lệ các cơ quan nhà nước thực hiện chỉ đạo, điều hành, quản trị nội bộ trên môi trường số.	100%	Sở Khoa học và Công nghệ / Văn phòng UBND tỉnh

8	Tỷ lệ nhiệm vụ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao được theo dõi, giám sát, đánh giá trên môi trường điện tử.	100%	Văn phòng UBND tỉnh
9	Tỷ lệ chế độ báo cáo của các cơ quan được thực hiện trên Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh.	100%	Sở Khoa học và Công nghệ
10	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức cấp xã có trang thiết bị đáp ứng yêu cầu công việc và có chữ ký số cá nhân.	100%	Sở Khoa học và Công nghệ
11	Chỉ số chuyển đổi số (DTI) và Đổi mới sáng tạo (PII) của tỉnh vươn lên nhóm dẫn đầu cả nước.	Top 10	Sở Khoa học và Công nghệ
II	PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ		
12	Quy mô kinh tế số chiếm tỷ trọng trong GRDP của tỉnh.	30% - 35%	Sở Khoa học và Công nghệ / Sở Tài chính
13	Tỷ trọng đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế.	$\geq 55\%$	Sở Tài chính / Thống kê tỉnh
14	Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ.	$\geq 20\%$	Sở Công Thương
15	Tỷ lệ hệ thống siêu thị, trung tâm thương mại, cơ sở phân phối hiện đại có lắp đặt thiết bị thanh toán không dùng tiền mặt.	100%	Sở Công Thương / Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực 10
16	Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa (SME) sử dụng các nền tảng số.	$\geq 80\%$	Sở Khoa học và Công nghệ / Sở Tài chính
17	Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử, hợp đồng điện tử trong lĩnh vực thương mại.	100%	Thuế tỉnh / Sở Công Thương

18	Tỷ lệ các khu, điểm du lịch, cơ sở lưu trú từ 3 sao trở lên ứng dụng công nghệ số trong quản lý, điều hành và cung cấp dịch vụ thông minh (thuyết minh ảo, thanh toán số...).	100%	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
19	Hình thành, ươm tạo doanh nghiệp khoa học công nghệ, dự án khởi nghiệp sáng tạo gắn với công nghệ số (AI, IoT, Big Data) hằng năm.	Đạt và vượt chỉ tiêu hằng năm	Sở Khoa học và Công nghệ
III	PHÁT TRIỂN XÃ HỘI SỐ		
20	Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên trên địa bàn tỉnh có tài khoản tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác.	$\geq 95\%$	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực 10
21	Tỷ lệ dân số trưởng thành trên địa bàn tỉnh có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân.	$\geq 70\%$	Sở Khoa học và Công nghệ
22	Tỷ lệ người dân trên địa bàn tỉnh có Sổ sức khỏe điện tử (tích hợp trên VNeID).	100%	Sở Y tế
IV	PHÁT TRIỂN DỮ LIỆU SỐ		
23	Tỉnh Khánh Hòa đạt mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu.	Cấp độ 5	Công an tỉnh / Sở Khoa học và Công nghệ
24	Tỷ lệ cơ sở dữ liệu dùng chung, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ sở dữ liệu mở hoàn thành việc số hóa, cập nhật, đưa vào sử dụng và kết nối, chia sẻ với Kho dữ liệu của tỉnh, trung ương.	100%	Sở Khoa học và Công nghệ / Các sở, ban, ngành
25	Tỷ lệ cơ sở dữ liệu ngành được số hóa và triển khai xuyên suốt từ cấp tỉnh đến cấp xã phục vụ cải cách hành chính và nâng cao năng suất.	100%	Sở Khoa học và Công nghệ / Các sở, ban, ngành

26	Tỷ lệ cơ quan nhà nước của tỉnh mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở (trừ bí mật nhà nước) phục vụ phát triển AI ứng dụng cho kinh tế số, xã hội số.	100%	Sở Khoa học và Công nghệ
27	Tỷ lệ học bạ số của học sinh được tích hợp thành công trên ứng dụng định danh điện tử VNeID.	100%	Sở Giáo dục và Đào tạo
28	Hoàn thành và đưa vào vận hành Bản đồ dữ liệu kinh tế biển, đô thị biển và CSDL các vùng nuôi biển công nghệ cao.	100%	Sở Nông nghiệp và Môi trường / Sở Xây dựng
V	PHÁT TRIỂN NHÂN LỰC SỐ		
29	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo kỹ năng số cơ bản.	100%	Sở Nội vụ
30	Tỷ lệ cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin, chuyển đổi số của tỉnh được đào tạo đạt chứng chỉ quản trị dữ liệu cơ bản.	100%	Công an tỉnh / Sở Nội vụ
VI	HẠ TẦNG SỐ VÀ ĐẢM BẢO AN TOÀN, AN NINH MẠNG		
31	Mạng băng rộng di động 5G phủ sóng dân số toàn tỉnh (ưu tiên 100% khu kinh tế, khu công nghiệp, khu đô thị, trung tâm hành chính).	99%	Sở Khoa học và Công nghệ
32	Tỷ lệ sử dụng địa chỉ giao thức Internet thế hệ mới (IPv6) trên mạng Internet.	90% - 100%	Sở Khoa học và Công nghệ
33	Tỷ lệ các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung phục vụ Chính phủ số được hoàn thành và đưa vào sử dụng thống nhất.	100%	Sở Khoa học và Công nghệ
34	Tỷ lệ các hệ thống thông tin trên địa bàn tỉnh được phê duyệt hồ sơ đề xuất bảo đảm an ninh mạng theo cấp độ và kiểm tra định kỳ.	100%	Công an tỉnh
35	Tỷ lệ các ứng dụng, nền tảng được triển khai sử dụng trên Mạng truyền số liệu chuyên dùng.	100%	Sở Khoa học và Công nghệ

36	Vận hành Trung tâm giám sát và tác chiến an ninh mạng (SOC) cấp tỉnh.	Giám sát 24/7	Công an tỉnh
----	---	---------------	--------------

PHỤ LỤC
DANH SÁCH CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC ĐẾN NĂM 2030
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
I	Hoàn thiện thể chế, chính sách số (<i>Bám sát NQ 57-NQ/TW, NQ 11/NQ-CP</i>)			
1	Xây dựng, cập nhật Khung kiến trúc số cấp tỉnh; Khung chiến lược dữ liệu tỉnh; Khung kiến trúc dữ liệu, Khung quản trị, quản lý dữ liệu tỉnh bảo đảm tuân thủ Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số (<i>theo QĐ 3090/QĐ-BKHCN và QĐ 2629/QĐ-TTg</i>).	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, địa phương	2026
2	Xây dựng Nghị quyết chính sách thu hút nhân tài, chuyên gia, nhà khoa học; cơ chế tài chính đặc thù, đãi ngộ vượt trội phục vụ chuyển đổi số (<i>cụ thể hóa NQ 11/NQ-CP</i>).	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính, Sở Nội vụ	2026
3	Triển khai cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (Sandbox) đối với các mô hình kinh doanh, công nghệ số mới trên địa bàn tỉnh (<i>theo QĐ 411/QĐ-TTg, NQ 11/NQ-CP</i>).	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành liên quan	2026 - 2030

4	Thành lập và vận hành Quỹ phát triển khoa học công nghệ và Quỹ đầu tư mạo hiểm tỉnh Khánh Hòa.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính	2026
5	Thực hiện các thủ tục để hình thành Khu công nghiệp công nghệ số tập trung và Công viên đổi mới sáng tạo tỉnh Khánh Hòa.	Sở Khoa học và Công nghệ	BQL Khu kinh tế và KCN, các sở ngành	2026
II	Phát triển Hạ tầng số (<i>Bám sát QĐ 1132/QĐ-TTg, QĐ 749/QĐ-TTg</i>)			
6	Đầu tư xây dựng nền tảng hạ tầng công nghệ thông tin và hạ tầng số phục vụ chuyển đổi số tỉnh Khánh Hòa; Nâng cấp Trung tâm dữ liệu tỉnh theo hướng điện toán đám mây kết nối Nền tảng đám mây Chính phủ (<i>theo QĐ 942/QĐ-TTg</i>).	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính, các đơn vị liên quan	2026 - 2030
7	Phát triển hạ tầng mạng di động băng rộng 5G, Internet vạn vật (IoT) bao phủ các khu công nghiệp, khu kinh tế, khu du lịch; tận dụng Quỹ viễn thông công ích xóa “vùng lõm” sóng (<i>theo QĐ 1132/QĐ-TTg</i>).	Sở Khoa học và Công nghệ / Doanh nghiệp Viễn thông	Các sở, ban, ngành, địa phương	2026 - 2030
8	Chuyển đổi đồng bộ mạng lưới, hệ thống thông tin sang ứng dụng địa chỉ giao thức Internet thế hệ mới (IPv6) (<i>theo QĐ 749/QĐ-TTg</i>).	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, địa phương	2026 - 2030
9	Đầu tư hạ tầng wifi miễn phí tại các điểm sinh hoạt công cộng, chợ, khu du lịch chưa có hạ tầng wifi.	UBND xã, phường	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính	2026 - 2030
III	Phát triển Dữ liệu số (<i>Bám sát QĐ 142/QĐ-TTg, ND 278/2025/ND-CP</i>)			
10	Xây dựng Kho dữ liệu dùng chung, Cổng dữ liệu mở tích hợp, chia sẻ liên thông với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) (<i>theo QĐ 142/QĐ-TTg</i>).	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, địa phương	2026 - 2030

11	Xây dựng Cơ sở dữ liệu nền địa lý tỷ lệ 1/2000, 1/5000 và Cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh Khánh Hòa đồng bộ, thống nhất (<i>theo Đề án 06, QĐ 749/QĐ-TTg</i>).	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ	2026 - 2030
12	Triển khai Bản đồ dữ liệu kinh tế biển, đô thị biển (<i>bám sát NQ 09-NQ/TW; QĐ 246-QĐ/TU ngày 30/01/2026 của BTV Tỉnh ủy về giao nhiệm vụ trọng tâm, đột phá năm 2026</i>).	Sở Xây dựng	Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở KHCN	2026
13	Hoàn thiện Cơ sở dữ liệu Cán bộ công chức viên chức tỉnh Khánh Hòa.	Sở Nội vụ	Sở Khoa học và Công nghệ	2026
14	Nâng cấp, cập nhật hệ thống GIS Khánh Hòa	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, địa phương	2026 - 2030
15	Xây dựng CSDL GIS quản lý quy hoạch, tài nguyên tại Khu kinh tế và Khu công nghiệp.	BQL Khu kinh tế và Khu công nghiệp	Các sở, ban, ngành, địa phương	2026 - 2030
16	Xây dựng Hệ thống dữ liệu kinh tế tỉnh Khánh Hòa (Giai đoạn 1 và 2) phục vụ phân tích, định hướng và quản trị điều hành.	Sở Tài chính	Sở Khoa học và Công nghệ	2026 - 2030
IV	Phát triển Chính phủ số / Chính quyền số (<i>Bám sát QĐ 942/QĐ-TTg, QĐ 2629/QĐ-TTg</i>)			
17	Nghiên cứu, triển khai nền tảng Trí tuệ nhân tạo (AI), “Trợ lý ảo” hỗ trợ cán bộ công chức và phục vụ người dân, doanh nghiệp (<i>cụ thể hóa QĐ 2629/QĐ-TTg, NQ 11/NQ-CP</i>).	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, địa phương	2026 - 2030
18	Đạt 100% hồ sơ công việc cấp tỉnh, cấp xã được xử lý trên môi trường điện tử; sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ để giải quyết công việc (<i>theo QĐ 749/QĐ-TTg, QĐ 942/QĐ-TTg</i>).	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, địa phương	2026

19	Xây dựng Nền tảng số dùng chung cấp xã đáp ứng yêu cầu chính quyền 2 cấp.	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND xã, phường, đặc khu	2026
20	Nâng cấp Trung tâm Giám sát, điều hành thông minh (IOC) tập trung các nhiệm vụ: Bản đồ cảnh báo ngập lụt, Ứng dụng phản ánh hiện trường, Theo dõi giải ngân đầu tư công... phục vụ quản trị dựa trên dữ liệu	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, địa phương	2026 - 2030
21	Triển khai số hóa tài liệu, ứng dụng phần mềm chuyên ngành kiểm tra Đảng từ tỉnh đến xã; Đổi mới sinh hoạt chi bộ trên môi trường số.	Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy / Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Các sở, ban, ngành, địa phương	2026 - 2030
V Phát triển Kinh tế số (<i>Bám sát QĐ 411/QĐ-TTg, NQ 11/NQ-CP</i>)				
22	Xây dựng Trung tâm dữ liệu đa mục tiêu cấp quốc gia và cấp vùng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa phục vụ phát triển hạ tầng lưu trữ	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Sở Xây dựng	2026 - 2030
23	Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (SME) chuyển đổi số; thúc đẩy sử dụng Hợp đồng điện tử, Hóa đơn điện tử và các nền tảng quản trị số (<i>theo QĐ 411/QĐ-TTg</i>).	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Công Thương	2026 - 2030
24	Thúc đẩy kinh tế số ngành: Thành lập Trung tâm nghiên cứu quốc gia về công nghệ đại dương; ứng dụng IoT, AI trong nông nghiệp, logistics và du lịch thông minh.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, địa phương	2026; 2026 - 2030
25	Xây dựng và phát triển thị trường thương mại điện tử lành mạnh, bền vững; thúc đẩy các chương trình kích cầu tiêu dùng số.	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành, địa phương	2026 - 2030
26	Tập trung phát triển các sàn giao dịch điện tử nhằm kết nối cung cầu, đặc biệt là chuỗi giá trị nông sản, tiểu thủ công nghiệp và du lịch trực tuyến.	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch.	Các sở, ban, ngành, địa phương	2026 - 2030

27	Hỗ trợ, thúc đẩy doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử, tiến tới mục tiêu 100% doanh nghiệp trên địa bàn sử dụng hóa đơn điện tử. Tăng cường kết nối, chia sẻ dữ liệu nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý thuế, đăng ký doanh nghiệp và mua bán hóa đơn điện tử an toàn, minh bạch.	Sở Công Thương; Thuế tỉnh	Các sở, ban, ngành, địa phương	2026 - 2030
VI	Phát triển Xã hội số (<i>Bám sát QĐ 411/QĐ-TTg, Đề án 06</i>)			
28	Triển khai phong trào “Bình dân học vụ số”, phổ cập kỹ năng số thông qua Nền tảng học trực tuyến mở đại trà (MOOCs) (<i>theo QĐ 411/QĐ-TTg, QĐ 2629/QĐ-TTg</i>).	Sở Khoa học và Công nghệ / Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành, địa phương	2026 - 2030
29	Triển khai cơ sở dữ liệu an sinh xã hội, nền tảng số về lao động, việc làm.	Sở Nội vụ	Sở Khoa học và Công nghệ	2026
30	Xây dựng đề án nâng cao năng lực số cho đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi và nhóm yếu thế.	Sở Dân tộc và Tôn giáo	Sở Khoa học và Công nghệ	2026
31	Duy trì và mở rộng hạ tầng wifi miễn phí tại các điểm sinh hoạt cộng đồng, nhà văn hóa thôn, xã để đảm bảo mọi người dân đều được tiếp cận Internet.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính; Các doanh nghiệp viễn thông	2026
32	Xây dựng Hệ sinh thái giáo dục số và thí điểm mô hình Trường học thông minh ứng dụng Trí tuệ nhân tạo; Xây dựng ngân hàng câu hỏi trực tuyến dùng chung; Xây dựng Thư viện số, Kho học liệu số dùng chung. Học bạ điện tử tích hợp trên VNeID (<i>theo QĐ 411/QĐ-TTg, Đề án 06</i>).	Sở Giáo dục và Đào tạo	Bảo hiểm Xã hội, Công an tỉnh	2026 - 2030
33	Đầu tư hạ tầng, triển khai Bệnh án điện tử (EMR) và Hệ thống thông tin quản lý bệnh viện thông minh (ưu tiên BV Ung Bướu, BV Yersin).	Sở Y tế	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính	2026 - 2028

34	Triển khai Ứng dụng tương tác phục vụ người dân (App Công dân số) làm kênh giao tiếp hợp nhất. Đẩy mạnh tích hợp các tiện ích thiết yếu (bảo hiểm, y tế, giáo dục...) lên nền tảng định danh điện tử VNeID. Hỗ trợ và cung cấp chữ ký số, chứng thư số cá nhân cho người dân trưởng thành phục vụ các giao dịch điện tử (<i>theo QĐ 942/QĐ-TTg, QĐ 411/QĐ-TTg</i>).	Sở Khoa học và Công nghệ / Công an tỉnh	Các doanh nghiệp viễn thông; UBND xã, phường, đặc khu	2026 - 2030
VII Bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng (<i>Bám sát QĐ 964/QĐ-TTg</i>)				
35	Vận hành Trung tâm giám sát và tác chiến an ninh mạng (SOC) tỉnh; kết nối chia sẻ dữ liệu giám sát với Trung tâm an ninh mạng quốc gia (<i>theo QĐ 964/QĐ-TTg, QĐ 942/QĐ-TTg</i>).	Công an tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	2026 - 2030
36	Rà soát, phê duyệt cấp độ an toàn và triển khai phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo mô hình 4 lớp cho 100% hệ thống (<i>theo QĐ 964/QĐ-TTg</i>).	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành, địa phương	2026
37	Trang bị hệ thống kiểm soát truy cập mạng (NAC), chống thất thoát dữ liệu (DLP) để bảo vệ Trung tâm Dữ liệu tỉnh và ngăn chặn mã độc (<i>theo QĐ 964/QĐ-TTg</i>).	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị liên quan	2026 - 2027
38	Tổ chức kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin và quản lý rủi ro đối với các hệ thống thông tin cấp độ 1, cấp độ 2 của các cơ quan Đảng và Chính quyền. Tổ chức định kỳ diễn tập thực chiến ứng phó sự cố an ninh mạng trên địa bàn tỉnh.	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành, địa phương	Hàng năm